

**PHỤ LỤC 2**  
**BẢNG 2**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**QUÝ I NĂM 2023**



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Kế hoạch CCHC			Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2023 thực hiện cải cách hành chính năm 2023.
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	21	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra CCHC			
	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
3	Tuyên truyền CCHC			



	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	40	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh	Tin, bài	0	Ghi rõ thời gian được duyệt đăng.
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	2	Ghi rõ thời gian đã đăng.
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, ...)	Tin, bài		Ghi rõ thời gian và phương tiện đã đăng.
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,...	Có = 1 Không = 0	1	Tuyên truyền qua hình thức họp, hội nghị tại các cơ quan, đơn vị các phòng ban chuyên môn và đơn vị sự nghiệp 164 cuộc có 3.328 lượt người dự; Ủy ban nhân dân phường tuyên truyền qua các cuộc họp khu dân cư, tổ dân phố 33 cuộc có 1.492 lượt người tham dự
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao		0	
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	68	
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%	100	



6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	Có = 1 Không = 0	0	
7	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị 10, Chỉ thị 26 của Thủ tướng	Tốt = 1 Có vi phạm = 0	1	Ghi rõ nội dung vi phạm
8	Kết quả thực hiện nhiệm vụ khác (nếu có)			Ghi rõ nội dung
<b>II</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
1	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản	7	<p>- Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBNDTP bãi bỏ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND TPST về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên TPST;</p> <p>+ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBNDTP ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin TPST;</p> <p>+ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBNDTP UBNDTP ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội TPST;</p> <p>+ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBNDTP UBNDTP ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài chính – Kế hoạch TPST;</p> <p>+ Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBNDTP UBNDTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Kinh tế TPST ban hành kèm theo Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày</p>

				<p>+ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBNDTP UBNDTP ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng HĐND và UBND TPST;</p> <p>+ Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBNDTP UBNDTP ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý đô thị thành phố</p>
	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ	Văn bản	7	
	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản	7	
2	Kiểm tra và tự kiểm tra, xử lý VBQPPL			<p>- Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 01/3/2023 về kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Sóc Trăng năm 2023.</p> <p>'- Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 01/3/2023 thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.</p>
	Số VBQPPL tự kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	Không	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật	Văn bản	Không	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật đã được xử lý	Văn bản	Không	



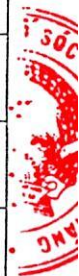
	Số VBQPPL kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	Không	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật	Văn bản	Không	
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật đã được xử lý	Văn bản	Không	
3	Rà soát VBQPPL			- Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 01/3/2023 về kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Sóc Trăng năm 2023.
	Số VBQPPL phải rà soát		14	
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	14	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	Không	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	Không	
<b>III</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có = 1 Không = 0	1	Kế hoạch số 14/KH-UBND, ngày 03/02/2023 của UBND TPST về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.
2	Thống kê TTHC			
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	5	
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	2	
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	273	
	- Số TTHC áp dụng tại UBND cấp huyện:	Thủ tục	273	

	- Số TTHC áp dụng tại UBND cấp xã:	Thủ tục	130	
3	Vận hành Trang Một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị			
	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Trang Một cửa điện tử	Thủ tục	273	
	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Trang Một cửa điện tử	Thủ tục	229	Trong đó: 90 TTHC mức độ 3 và 139 TTHC mức độ 4
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	0	
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	0	
5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	273	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	273	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
6	Kết quả giải quyết TTHC			
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận	Hồ sơ	2.437	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện giải quyết và trả kết quả		1.996	
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	Số lượng TTHC đã giải quyết đúng hạn 1,996/1,996 Số lượng TTHC đã giải quyết.
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai cấp huyện được giải quyết đúng hạn	%	100	Số lượng TTHC đã giải quyết đúng hạn .../... Số lượng TTHC đã giải quyết.

	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng cấp huyện được giải quyết đúng hạn	%	100	Số lượng TTHC đã giải quyết đúng hạn .../... Số lượng TTHC đã giải quyết.
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận	Hồ sơ	7.496	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã giải quyết và trả kết quả	Hồ sơ	7.496	(Trong đó, giải quyết trước hạn 935 hồ sơ)
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	Số lượng TTHC đã giải quyết đúng hạn .../... Số lượng TTHC đã giải quyết
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai cấp xã được giải quyết đúng hạn	%	100	Số lượng TTHC đã giải quyết đúng hạn .../... Số lượng TTHC đã giải quyết
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng cấp xã được giải quyết đúng hạn.	%		Số lượng TTHC đã giải quyết đúng hạn/Số lượng TTHC đã giải quyết.
7	Vận hành Cổng dịch vụ công			
	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	12	
	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	12	
	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	0	
<b>IV</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	11	
	Số đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	35	
	Số phòng ban trong đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	4	
	Số lượng phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị	0	



	Số lượng đơn vị SNCL đã cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị	1	
	Số lượng phòng ban trong đơn vị SNCL đã cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Số liệu về biên chế công chức			
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	94	
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	89	
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	10	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản trong năm so với kế hoạch	%		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
	Tổng số người làm việc được giao	Người	1.197	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1.066	
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn			
	Tổng số người làm việc được phê duyệt	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	51	





5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp huyện	Người	4	
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương	Người	34	
	Số lượng lãnh đạo các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện	Người	89	
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp xã	Người	30	
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước			
	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	5	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	10	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	10	
7	Hoạt động thanh tra cấp huyện			
	Số đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số UBND cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị	2	
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề	4	
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
<b>V</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		0	



	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1 Không = 0	0	Văn bản số ...
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực	Có = 1 Không = 0	0	Văn bản số ...
2	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	Số lãnh đạo UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo UBND cấp xã được bổ nhiệm mới	Người	0	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	292	

	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người	0	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		0	
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người		
	Kết quả thực hiện thực tế	Người	0	
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (cả về Đảng và chính quyền).			
	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
	Số công chức chuyên môn, không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn		0	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần		0	
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo		0	
<b>VI</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
1	UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	22	
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		35	Gồm 05 đơn vị sự nghiệp công lập và 30 trường học



	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	3	Gồm Ban QLDA, Trung tâm PTQĐ, BQL Chợ
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	18	Gồm 16 trường và TT VH-TT-ĐTT, TT. GDNN-GDĐT
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	14	14 Trường học
<b>VII</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
1	Tham gia Hệ thống hợp trực tuyến của tỉnh			
	Liên thông từ UBND tỉnh đến UBND cấp huyện	Có = 1 Không = 0	1	
	Liên thông từ UBND tỉnh đến UBND cấp xã.	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành:			
	- UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
	- Số lượng UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	Đơn vị	10	
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị:	Văn bản	1.201/1.252	
	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	96	

	- Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
3	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
	UBND cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	Đơn vị	10	
4	Dịch vụ công trực tuyến			
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	90	
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	139	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	99,47	933 hồ sơ nhận trực tuyến/938 hồ sơ nhận trực tiếp
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100	1.028 hồ sơ nhận trực tuyến/1.028 hồ sơ nhận trực tiếp
5	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	Thủ tục	273	
	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	0	
	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	2	
	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	72	(Trong đó, thành phố: 54 hồ sơ và UBND P3: 18 hồ sơ)
6	Áp dụng ISO trong hoạt động			



Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	(nếu không công bố: ghi rõ lý do)
Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	1	
Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	1	
Số UBND cấp xã thực hiện công bố, công bố lại ISO	Cơ quan, đơn vị	10	
Số UBND cấp xã thực hiện đánh giá nội bộ	Cơ quan, đơn vị	10	
Số UBND cấp xã xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống QLCL	Cơ quan, đơn vị	10	

